

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2021/DS-ST
Ngày 28-9-2021
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO – TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giàng A Tăng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Tâm và bà Bạc Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2021/TLST- DS ngày 20 tháng 7 năm 2021 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lò Thị N**, năm sinh 1985 – có mặt.

Địa chỉ: Bản C, xã QT, huyện TG, tỉnh DB.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị Lò Thị N: Bà Hà Thị Thuận - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên – có mặt.

2. Bị đơn: - Chị **Tòng Thị D**, sinh năm 1984 – có mặt.

Địa chỉ: Bản N, xã B, huyện M, tỉnh DB.

- Anh **Lò Văn T**, sinh năm 1978 – vắng mặt.

Địa chỉ: Bản C, xã QT, huyện TG, tỉnh DB.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lò Thị N trình bày:

- Ngày 01 tháng 8 năm 2018 chị Lò Thị N cho anh Lò Văn T, chị Tòng Thị D vay 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*), hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 0,55%/ tháng, thời hạn cho vay đến ngày 17/3/2021. Khi cho vay tiền hai bên

viết giấy cam kết vay tiền và có chữ ký của chị Lò Thị N và chị Tòng Thị D, anh Lò Văn T. Từ tháng 8 năm 2018 đến tháng 10 năm 2020, chị D đã trả cho chị N 2.500.000đ (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền lãi. Từ tháng 11 năm 2020 đến thời hạn trả nợ ngày 17 tháng 3 năm 2021, anh Lò Văn T, chị Tòng Thị D không trả tiền lãi và tiền nợ gốc vay cho chị Lò Thị N. Nay chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh T, chị D trả cho chị N tiền vay gốc là 20.000.000đ, tiền lãi từ tháng 11 năm 2020 đến tháng 7 năm 2021 là $09 \text{ tháng} \times \text{lãi suất } 0,55\% / 01 \text{ tháng} = 990.000\text{đ}$. Tổng số tiền chị N yêu cầu anh T, chị D phải trả là 20.990.000đ (*hai mươi triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng*).

* Tại phiên tòa, nguyên đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về tiền vay gốc 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*), thay đổi yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, chị N chỉ đề nghị anh T, chị D trả tiền lãi từ tháng 12 năm 2020 đến tháng 9 năm 2021 là $10 \text{ tháng} \times \text{lãi suất } 0,55\% / 01 \text{ tháng} = 1.100.000\text{đ}$ (*một triệu một trăm nghìn đồng*).

- Tổng cộng tiền gốc vay và tiền lãi phát sinh nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 21.100.000đ (*hai mươi một triệu một trăm nghìn đồng*).

- Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất quá hạn trên nợ gốc quá hạn từ ngày 18 tháng 3 năm 2021 đến thời điểm xét xử và lãi suất chậm trả tiền lãi từ tháng 12 năm 2020 đến tháng 9 năm 2021. Không yêu cầu bị đơn phải chịu lãi suất chậm thi hành án đối với khoản tiền phải trả.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn chị Tòng Thị D trình bày: Tháng 8 năm 2018 chị Tòng Thị D, anh Lò Văn T đã vay của chị Lò Thị N 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*) và thỏa thuận về lãi suất, thời hạn vay như chị N trình bày và giấy cam kết vay tiền chị N đã cung cấp giao nộp cho Tòa án. Tuy nhiên tháng 01 năm 2020 chị và anh Lò Văn T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 08/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Trước khi ly hôn chị và anh Lò Văn T đã tự thỏa thuận về chia tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ chung; theo thỏa thuận của chị D, anh T vào ngày 18 tháng 12 năm 2019 thì khoản nợ 20.000.000đ vay của chị Lò Thị N do anh Lò Văn T có trách nhiệm trả, chị D thừa nhận năm 2019 đã trả cho chị Lò Thị N 2.500.000đ tiền lãi. Nay chị Lò Thị N khởi kiện yêu cầu trả tiền, chị D đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Lò Văn T có nghĩa vụ trả cho chị Lò Thị N 20.000.000đ tiền vay gốc và tiền lãi phát sinh.

Bị đơn anh Lò Văn T: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh T, nhưng anh T không đến. Tiến hành xác minh tại gia đình, nơi cư trú của anh T. Hiện tại anh T đang cư trú và sinh sống tại bản Có, xã Quải Tở, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên nhưng thường đi làm công nhân ở thành phố Hà Nội đi về thất thường nên Tòa án không trực tiếp tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho anh T được. Do vậy Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết Thông báo thụ lý vụ án theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho anh T. Hết thời gian theo quy định, Tòa án đã tiến hành triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Thực hiện cấp, tổng đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật để anh T được biết

nhưng anh T vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 4, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh Lò Văn T trả cho chị Lò Thị N tiền gốc vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), lãi suất là 0,55%/ 01 tháng x 10 tháng (từ tháng 12 năm 2020 đến tháng 9 năm 2021) = 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc vay và tiền lãi phát sinh anh Lò Văn T phải trả cho chị Lò Thị N là 21.100.000đ (hai mươi một triệu một trăm nghìn đồng).

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng theo quy định của pháp luật, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn chị Tòng Thị N, bị đơn chị Tòng Thị D đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn anh Lò Văn T chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị N về việc buộc anh Lò Văn T, chị Tòng Thị D thanh toán số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh là có căn cứ. Tuy nhiên ngày 07 tháng 01 năm 2020, chị D, anh T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 08/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, T Điện Biên. Trước khi ly hôn chị D và anh Lò Văn T đã tự thỏa thuận về chia tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ chung; theo biên bản thỏa thuận của chị D, anh T vào ngày 18 tháng 12 năm 2019 thì khoản nợ 20.000.000đ vay của chị Lò Thị N do anh Lò Văn T có trách nhiệm trả, việc thỏa thuận của chị D, anh T hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 116, 117, 118, 119 và Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị N.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh Lò Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lò Thị N có đơn khởi kiện đối với anh Lò Văn T có địa chỉ tại bản Có, xã Quài Tở, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên và chị Tòng Thị D có địa chỉ tại bản Nà Lấu, xã Búng Lao, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố Tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

Tại phiên tòa ngày 10/9/2021 anh Lò Văn T vắng mặt, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Lò Văn T vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Chị Lò Thị N khởi kiện yêu cầu anh Lò Văn T, chị Tòng Thị D thanh toán tiền gốc vay 20.000.000đ và tiền lãi phát sinh. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp giữa chị Lò Thị N với anh Lò Văn T, chị Tòng Thị D là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn chị Lò Thị N khởi kiện yêu cầu anh Lò Văn T, chị Tòng Thị D phải thanh toán cho chị N 20.000.000đ nợ gốc và lãi suất từ tháng 11 năm 2020 đến tháng 7 năm 2021 là 09 tháng x lãi suất 0,55%/tháng = 990.000đ. Tổng số tiền chị N yêu cầu anh T, chị D phải trả là 20.990.000đ (*hai mươi triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng*). Tại phiên tòa chị N thay đổi yêu cầu khởi kiện về tiền lãi. Đề nghị anh T, chị D trả tiền lãi từ tháng 12 năm 2020 đến tháng 9 năm 2021 là 10 tháng x lãi suất 0,55%/tháng = 1.100.000đ. Xét thấy thay đổi yêu cầu khởi kiện về tiền lãi của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lò Thị N: Trên cơ sở giấy cam kết vay tiền xác lập vào ngày 01/8/2018 (BL số 03) và lời khai của chị Tòng Thị D, biên bản về việc thỏa thuận chia tài sản chung, nợ chung của chị Diện, anh T vào ngày 18 tháng 12 năm 2019 (BL số 43). Xác định ngày 01/8/2018 chị Tòng Thị D, anh Lò Văn T đã vay của chị Lò Thị N 20.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 17/3/2021, lãi suất cho vay là 0,55%/tháng.

- Theo biên bản về việc thỏa thuận chia tài sản chung, nợ chung của chị Diện, anh T vào ngày 18 tháng 12 năm 2019. Chị D và anh Lò Văn T đã thỏa thuận về chia tài sản chung, phân chia nghĩa vụ trả nợ chung theo đó anh Lò Văn T được chia toàn bộ tài sản chung và có trách nhiệm trả các khoản nợ với tổng số tiền phải trả là 337.000.000đ (*ba trăm ba mươi bảy triệu đồng*), trong đó có khoản vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) của chị Lò Thị N. Chị Tòng Thị D có trách nhiệm trả các khoản nợ với tổng số tiền là 461.000.000đ (*bốn trăm sáu mươi một triệu đồng*) và không được chia tài sản. Hội đồng xét xử thấy việc thỏa thuận về việc phân chia nghĩa vụ trả nợ của chị D, anh T hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chị D không đồng ý trả 20.000.000đ và tiền lãi phát sinh cho chị N do trước khi ly hôn vợ chồng đã thỏa thuận về phân chia nghĩa vụ trả nợ xong, khoản nợ vay của chị Lò Thị N do anh T có trách nhiệm trả. Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 116, 117, 118, 119 và Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cần buộc anh Lò Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho chị Lò Thị N 20.000.000đ đã vay và tiền lãi phát sinh là phù hợp.

Về lãi suất cho vay: Căn cứ giấy cam kết vay tiền ngày 01/8/2018 và lời khai của các đương sự, lãi suất cho vay là 0,55%/tháng. Hội đồng xét xử thấy lãi

suất theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên chấp nhận. Hội đồng xét xử ghi nhận việc anh T, chị D đã trả tiền lãi cho chị Lò Thị N từ tháng 8 năm 2018 đến tháng 11 năm 2020 với số tiền 2.500.000đ. Cần buộc anh Lò Văn T phải trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc từ tháng 12 năm 2020 đến tháng 9 năm 2021 là 10 tháng x lãi suất 0,55%/ 01 tháng = 1.100.000đ cho chị Lò Thị N.

Như vậy tổng số tiền gốc vay 20.000.000đ và tiền lãi phát sinh trên nợ gốc là 1.100.000đ. Tổng số tiền anh Lò Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho chị Lò Thị N là 21.100.000đ (*hai mươi một triệu một trăm nghìn đồng*).

Về lãi suất quá hạn trên nợ gốc, lãi suất chậm trả tiền lãi và lãi suất chậm thi hành án: Chị Lò Thị N không yêu cầu xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Hội đồng xét xử thấy có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về quan điểm về việc giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn chị Lò Thị N được chấp nhận nên cần buộc anh Lò Văn T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 116, 117, 118, 119 và Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị N.

2. Buộc anh Lò Văn T có nghĩa vụ trả cho chị Lò Thị N tiền nợ gốc vay 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*), tiền lãi suất phát sinh trên nợ gốc từ tháng 12 năm 2020 đến tháng 9 năm 2021 là 1.100.000đ. Tổng số tiền anh Lò Văn T trả cho chị Lò Thị N là 21.100.000đ (*hai mươi một triệu một trăm nghìn đồng*).

2. Về án phí: Anh Lò Văn T phải chịu 1.055.000đ (*một triệu không trăm năm mươi năm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Chị Lò Thị N, chị Tòng Thị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 28/9/2021). Anh Lò Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND T Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- Đương sự;
- Người bảo vệ QLIHP của đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giàng A Tăng